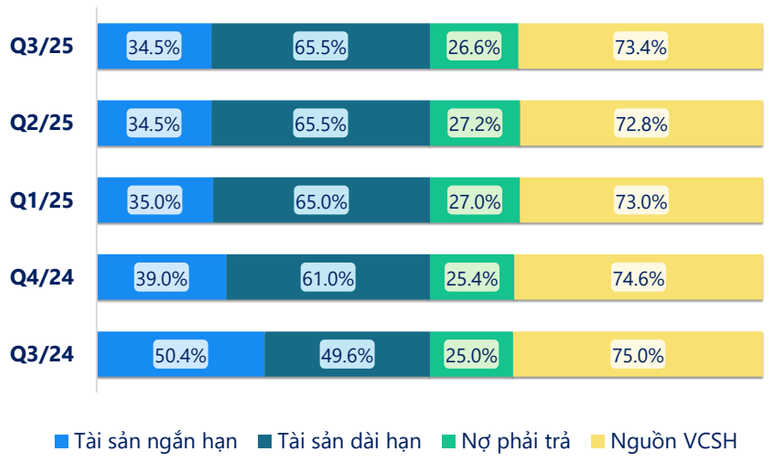
FireAnt

CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	2,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,400
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	106,405
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	120
P/E	-29.8
EPS	-81

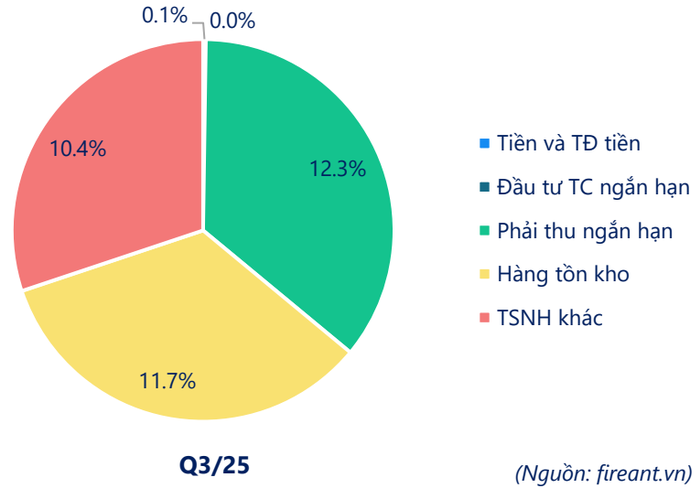
	YTD	1T	3T	6T
PVL	-40.0%	-27.3%	-38.5%	-41.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



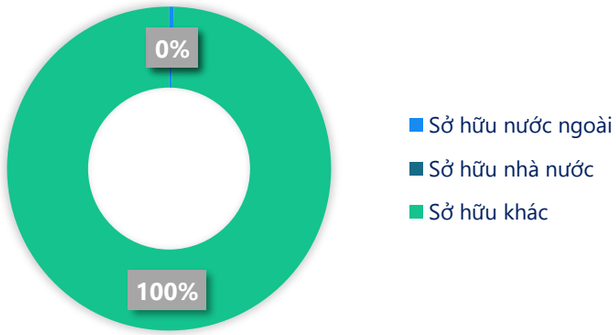
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



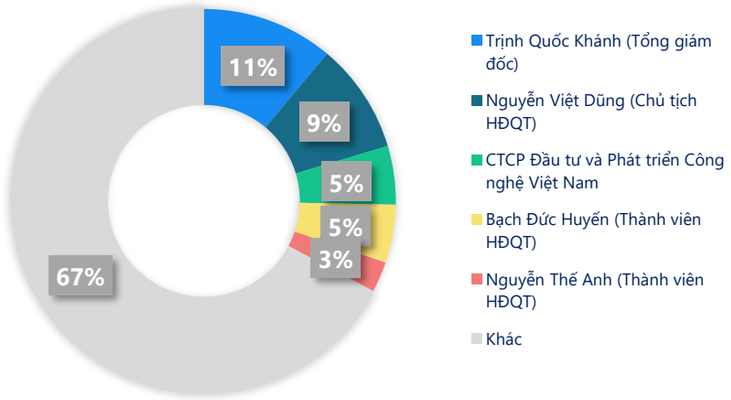
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



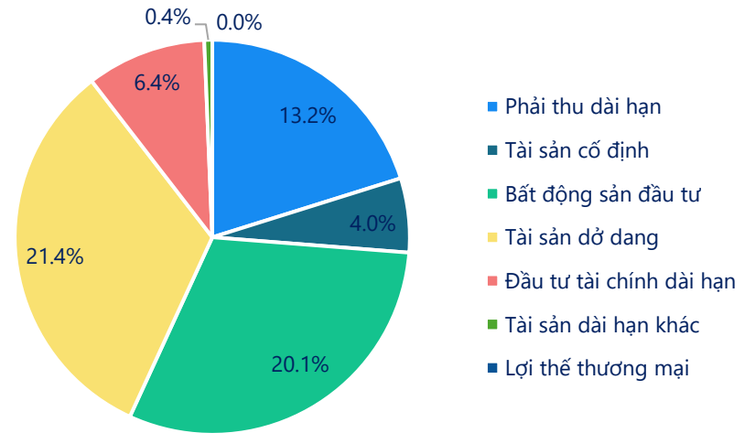
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

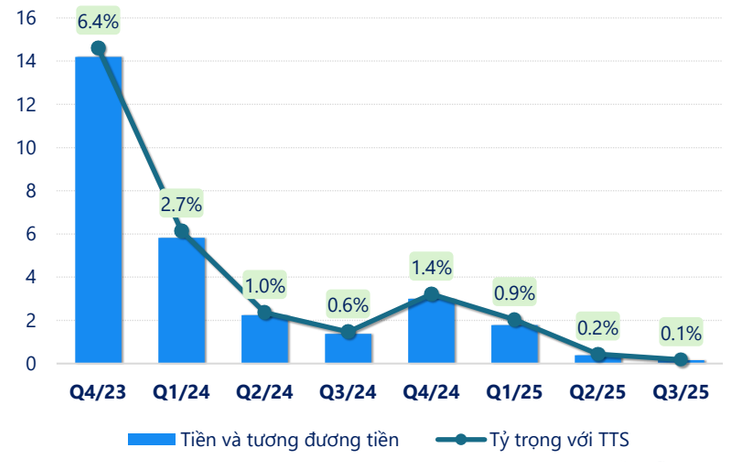


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

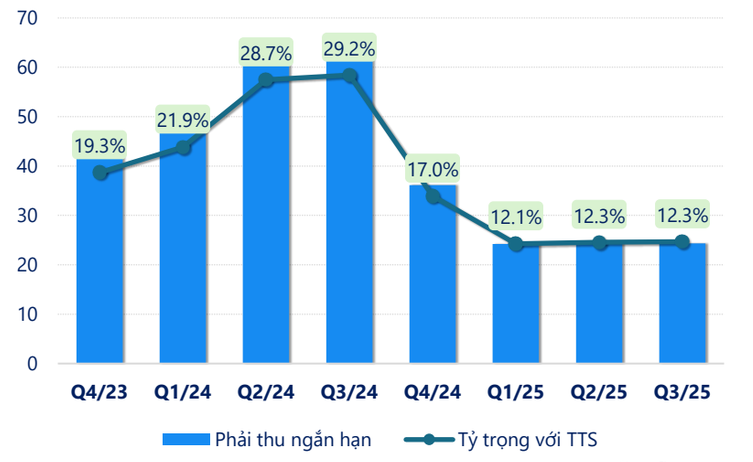
CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

Tiền và tương đương tiền



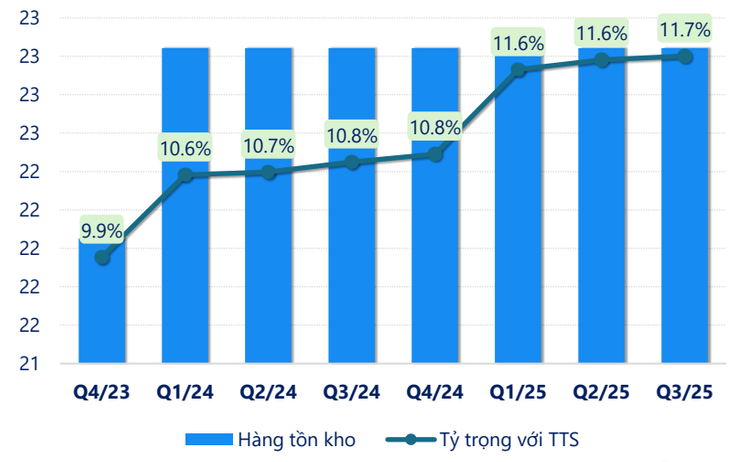
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



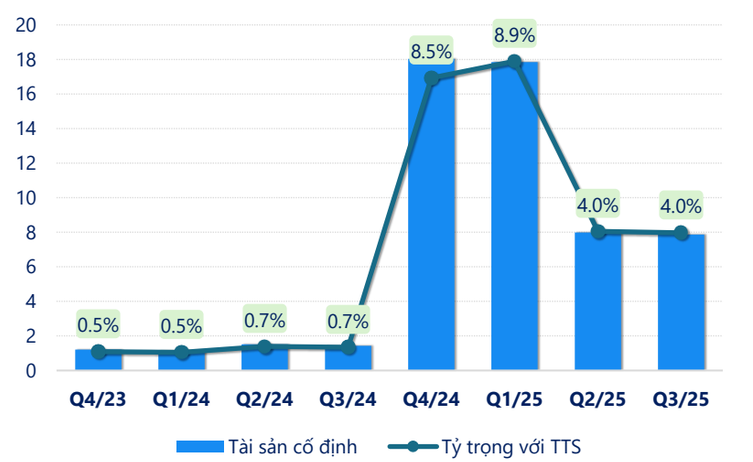
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



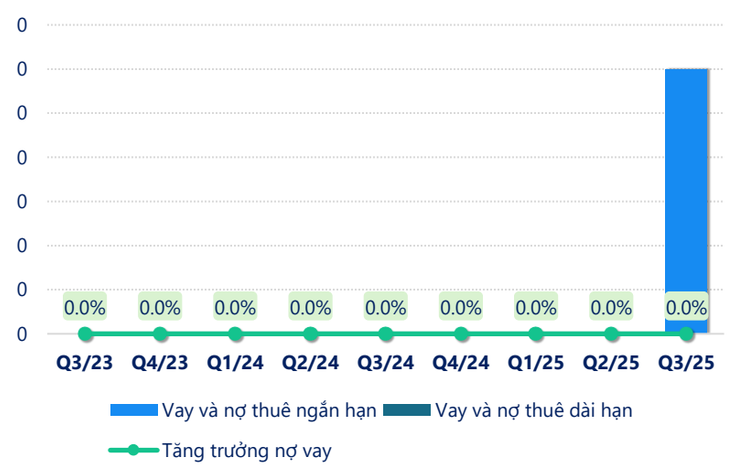
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



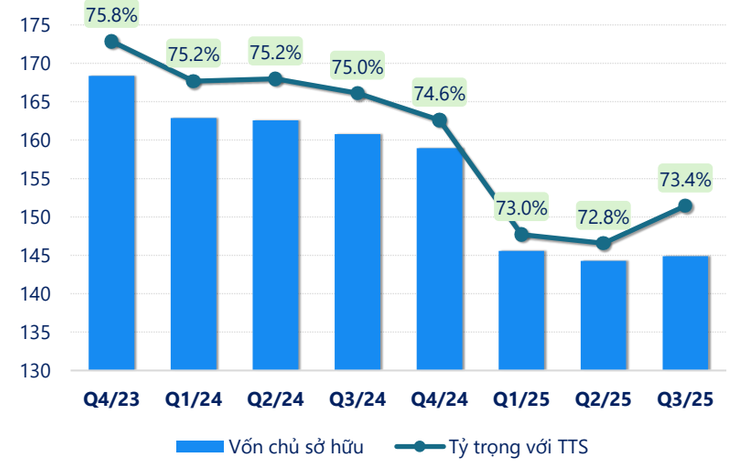
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

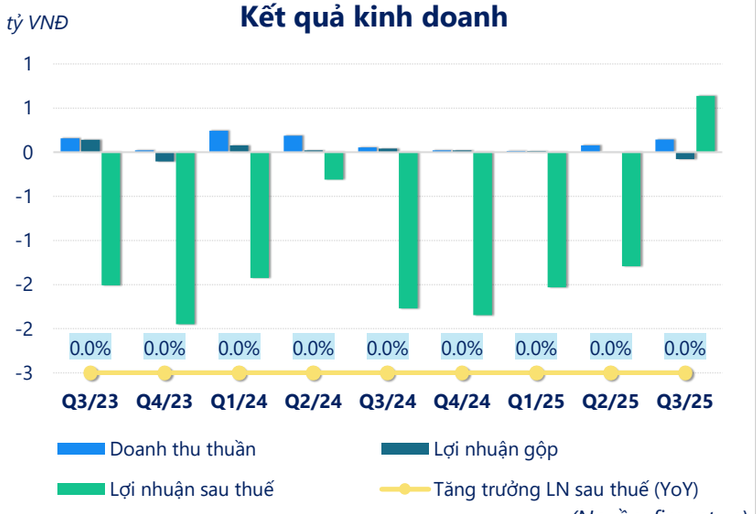
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

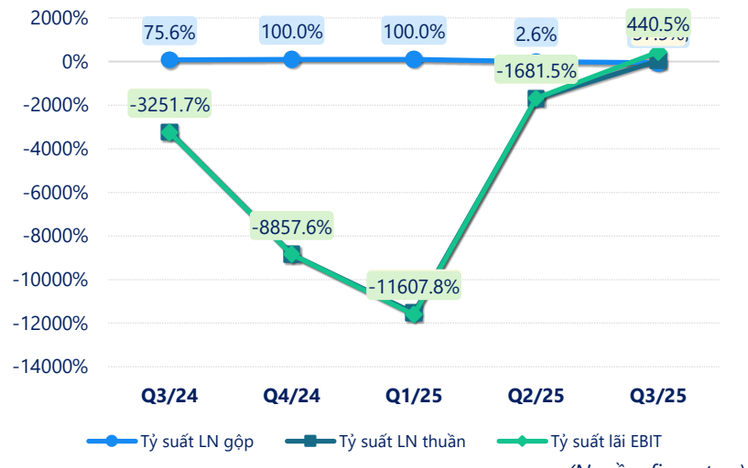
CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

Kết quả kinh doanh



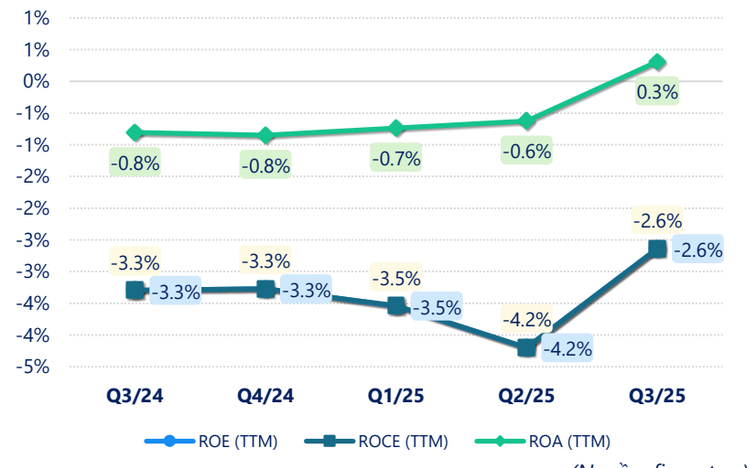
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



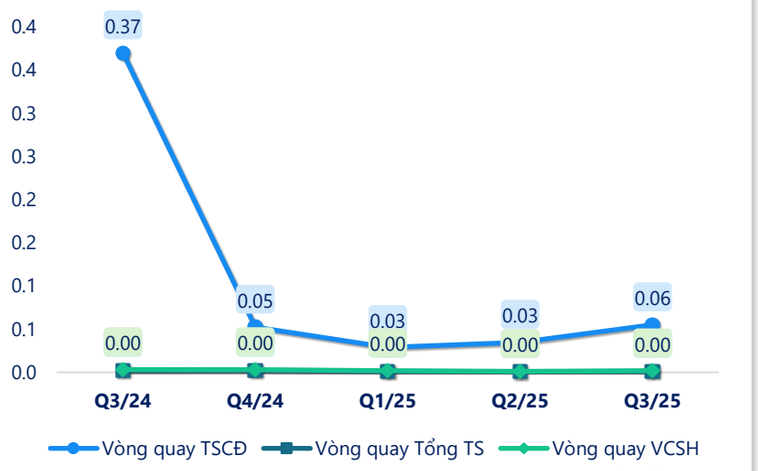
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



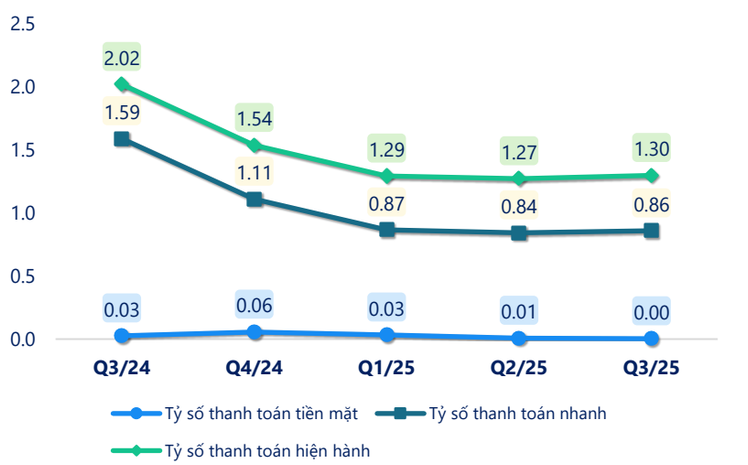
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



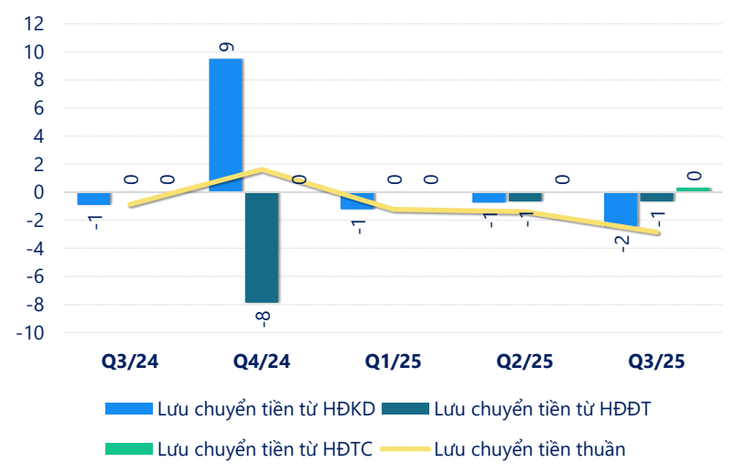
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**197**	**201**	**-1.8%**
Tài sản ngắn hạn	68.1	71.2	-4.3%
Tiền và tương đương tiền	0.16	3.00	-94.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.36	-100%
Phải thu ngắn hạn	24.4	24.3	0.4%
Hàng tồn kho	23.0	23.0	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	20.5	20.5	0.1%
Tài sản dài hạn	**129**	**130**	**-0.5%**
Phải thu dài hạn	26.1	26.7	-2.2%
Tài sản cố định	7.86	18.0	-56.4%
Bất động sản đầu tư	39.6	29.5	34.4%
Tài sản dở dang	42.3	42.2	0.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	12.7	12.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.84**	**0.88**	**-4.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	52.6	54.1	-2.8%
Nợ ngắn hạn	**52.5**	**54.0**	**-2.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.30	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	18.0	-10.4%
Nợ dài hạn	0.10	0.00	10532%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**145**	**147**	**-1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**145**	**147**	**-1.5%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	0.05	0.02	0.01	0.08	0.15
Giá vốn hàng bán	0.01	0	0	0.07	0.22
Lợi nhuận gộp	0.04	0.02	0.01	0.00	-0.08
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0.31	0.02	0.01	0.00
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.80	1.55	1.52	1.29	-0.13
LN thuần từ HĐKD	-1.76	-1.84	-1.52	-1.30	0.05
Lợi nhuận khác	-0.01	0.00	-0.01	0.01	0.58
LN trước thuế	-1.77	-1.85	-1.53	-1.29	0.64
Lợi nhuận sau thuế	-1.77	-1.85	-1.53	-1.29	0.64
LNST của CĐ cty mẹ	-1.77	-1.85	-1.53	-1.29	0.64

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.90	9.49	-1.22	-0.73	-2.49
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.04	-7.87	0.00	-0.66	-0.66
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0.30
Tiền đầu kỳ	2.24	1.38	3.00	1.78	3.00
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.86**	**1.62**	**-1.22**	**-1.39**	**-2.84**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.38	3.00	1.78	0.39	0.16

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic